



■ Mô tả

Module EVA-ZMU-SCI với mạch cách ly chống ngắn mạch được dùng trong hệ thống địa chỉ 2 dây, được kết nối với đầu báo thường 2 dây. Module giám sát và truyền tải trạng thái của zone (bình thường, hở, ngắn mạch, hoặc báo cháy) từ đầu báo đến trung tâm. Module dùng được cho vận hành Class A (Style D & E) và Class B (Style B & C).

■ Đèn chỉ báo

Module có 3 đèn LED màu chỉ báo trạng thái báo cháy, đang dò và cách ly SCI.



Báo cháy : LED màu đỏ
Polling : LED màu xanh
SCI : LED màu vàng

■ Nổi bật

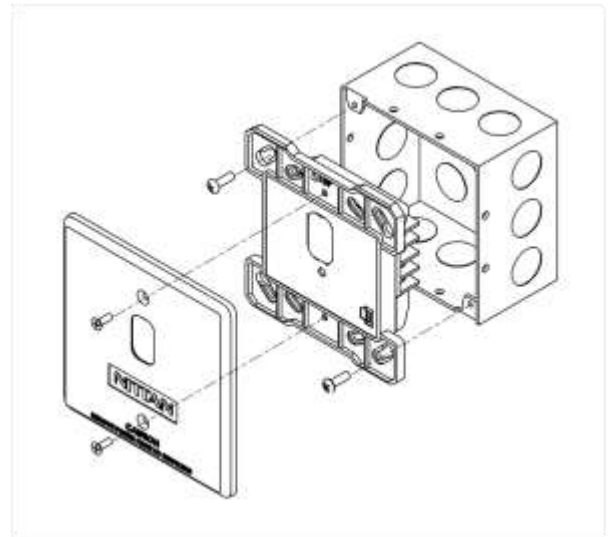
- Thiết kế phù hợp với nhiều ứng dụng
- Tính năng cách ly SCI
- Vít SEMS dễ dàng đấu nối
- Đèn LED chỉ báo trạng thái
- Giao tiếp Analog
- Địa chỉ có thể được thiết lập từ 001 đến 254 bằng bộ lập trình
- Dòng chờ thấp
- Lắp vào hộp điện vuông 4-inch

■ Chức năng SCI

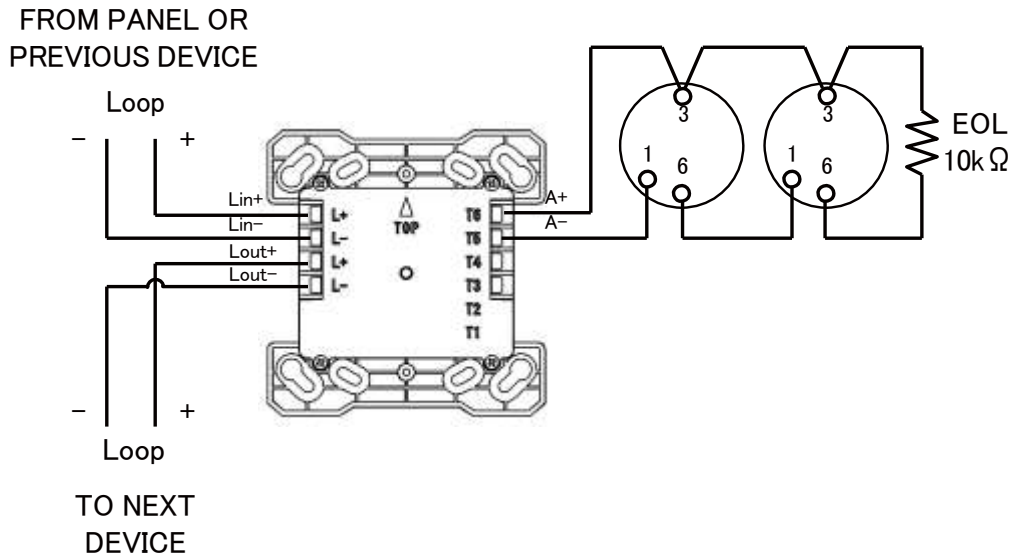
Mô-đun tích hợp mạch cách ly chống ngắn mạch. Mạch SCI tránh hư hỏng thiết bị khi có sự ngắn mạch giữa L+ và L- trên loop.

■ Lắp đặt

Mô-đun có thể gắn trực tiếp vào hộp điện 4-inch. Hộp phải có độ sâu tối thiểu 2 1/8 inches.



■ Đầu dây



Loại số 1 : cấu hình đầu báo loại 2 dây, class B

Đầu dây khác nhau tùy vào thiết lập Subtype (loại phụ) của module. Xem bảng bên dưới để biết chi tiết thiết lập mỗi Subtype. Hai điện trở 10 kΩ được cấp kèm theo module.

■ Thiết lập Subtype.

Subtype	Input Method	Open-Circuit Detection	Short-Circuit Detection	Class (Style)	Interrupt
1	Normally Open	Yes	No	Class B (Style B)	Disabled
2					Enabled
3				Class A (Style D)	Disabled
4					Enabled
5	Normally Open	Yes	Yes	Class B (Style C)	Disabled
6					Enabled
7				Class A (Style E)	Disabled
8					Enabled

The operation mode of the module can be switched by setting Subtype as above. The sub-type can be set through control panel programming.

■ Đầu báo 2 dây được sử dụng với module EVA-ZMU-SCI với định dạng zone loại A

Model đầu báo	ID tương thích	Loại đầu báo	Model để	ID để	Số đầu báo tối đa
EVCA-P	A	Quang điện	EVA-UB4 EVA-UB4-6	A	20

■ Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật	EVA-ZMU-SCI
SLC Điện thế cung cấp	Từ 20 đến 38 VDC
SLC Dòng tiêu thụ	Chờ 2.6 mA Báo cháy 35.9 mA (max)
SLC Trở kháng đường dây	Lên tới 50 Ω, 1.24 mi (2 km)
Số mạch IDC	1 x Class A or 1 x Class B
Điện thế mạch IDC	12 tới 18 VDC, 560 Ω, 32 mA (max)
IDC Trở kháng đường dây	Lên tới 50 Ω, 0.62 mi (1 km)
Điện trở cuối tuyến	RE-10 k (10 kΩ, 1/4 W), chỉ Class B
Trở kháng SCI	0.2 Ω (max)
SCI Ngưỡng dò báo lỗi	10 V (min)
SCI Dòng cách ly	22 mA (max)
Đèn chỉ báo (LED chỉ trạng thái)	Đang dò LED (GREEN) Ngõ vào LED (RED) SCI LED (YELLOW)
Nhiệt độ lắp đặt xung quanh	0 °C tới 49 °C (32 °F tới 120 °F)
Nhiệt độ lưu trữ	-20 °C tới 60 °C (-4 °F tới 140 °F)
Độ ẩm xung quanh tối đa	Lên tới 93 % RH, không ngưng tụ
Môi trường	Chỉ sử dụng khô thoáng trong nhà
Số lượng tối đa trên loop	127 cái
Ngõ kết nối	Vít AWG12 tới 22
Thiết lập địa chỉ	Bộ lập trình EVA-AD2
Kích thước	H 124 mm x W 124 mm x D 34.5 mm (4.882" H x 4.882" W x 1.358" D) (Lắp vào hộp vuông 4" sâu 2 1/4")
Trọng lượng	Gần 154 g
Tiêu chuẩn	UL864

Distributed By

All specifications are subject to change without any notice.
For more information, contact with NITTAN.

NITTAN

54-5, 1-chome, Sasazuka,
Shibuya-ku, Tokyo151-8535, Japan
TEL:81-3-5333-7021 FAX:81-3-5333-8615